

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA PHÚC THẨM
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 557/2025/HS-PT

Ngày: 03 - 11 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Toàn

Các Thẩm phán: Ông Cao Văn Tám

Bà Bùi Thị Thu

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Vi Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 và 03 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự (trực tuyến) thụ lý số 166/2025/TLPT-HS ngày 25 tháng 8 năm 2025 đối với bị cáo Lê Hoài N, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2025/HS-ST ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- **Bị cáo có kháng cáo:**

Lê Hoài N, sinh năm 1957 tại: Nghệ An; Nơi ĐKNKTT: Tổ A, khu phố B, Phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương (nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh); giới tính Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 08/10; nghề nghiệp: Kinh doanh; con ông: Lê Bá T; con bà: Hồ Thị T1 (đã chết); vợ: Lê Thị H, sinh năm 1966; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 18/4/1989, bị Công an huyện P, tỉnh Bình Định bắt về hành vi đánh bạc. Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định xử phạt 03 tháng tù cho hưởng án treo, bị cáo đã chấp hành xong bản án.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 13/5/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an tỉnh L (có mặt);

- **Người bào chữa cho bị cáo N theo yêu cầu:** Luật sư Phạm Thị L – Văn phòng luật sư Phạm Thị L (có mặt).

Địa chỉ: Số H, đường số B, khu T, Tổ B, khu C, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

- **Bị hại:** Ông Phạm Ngọc K, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số B Quốc lộ B, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng (nay là phường B, tỉnh Lâm Đồng).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thị H, sinh năm 1966 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ A, KP2, phường T, Thị xã B, tỉnh Bình Dương (nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Bà Lê Thị Quý L1, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: B, khu I Phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2018, Lê Hoài N đại diện Công ty TNHH L2 ký kết hợp đồng kinh tế với Công ty TNHH M1 do ông Vũ Tiến V (hiện nay đã chết) là người đại diện để cùng ông V hợp tác thực hiện đầu tư dự án quản lý bảo vệ rừng, trồng rừng và kết hợp chăn nuôi bò tại thôn F xã Q, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (theo Giấy chứng nhận đầu tư số 42121000059 do Ủy ban nhân dân tỉnh L cấp lần đầu ngày 29/06/2007 và Giấy chứng nhận đầu tư số 4212000059 do Ủy ban nhân dân tỉnh L cấp thay đổi lần thứ nhất ngày 15/07/2009 cho Công ty TNHH M1). Bị cáo N được ông Vũ Tiến V lập “Giấy ủy quyền” cho bị cáo được thay mặt Công ty TNHH M1 được phép kêu gọi đầu tư sản xuất trên diện tích đất nêu trên.

Đến tháng 05/2019, ông V bị bệnh chết, Công ty TNHH M1 cũng không thực hiện thêm hoạt động gì về việc triển khai thực hiện dự án, Lê Hoài N tìm hiểu qua ông Lê Tiến D1 (là nhân viên của Công ty TNHH M1) thì được biết các thành viên còn lại của Công ty TNHH M1 đang muốn chuyển nhượng lại dự án nêu trên với giá trị là 11,6 tỷ đồng, người mua phải chịu trách nhiệm thanh toán 6,5 tỷ đồng tiền chuyển nhượng vốn góp, khoảng 5,1 tỷ đồng tiền nợ thuế và tự chịu trách nhiệm đàm phán, trả chi phí cho các hộ dân lấn chiếm đất. Bị cáo N dự tính tiền để đền bù cho các hộ dân lấn chiếm là khoảng gần 04 tỷ, tổng chi phí để chuyển nhượng là khoảng 15 tỷ đồng.

Khoảng tháng 04/2022, bị cáo N quen biết với ông Phạm Ngọc K, bị cáo N được ông K nói cho biết về việc ông K là chủ nhiệm Hợp tác xã M1, ông K đang tìm quỹ đất để đầu tư sản xuất trồng cây ăn trái. Biết được việc ông K đang cần tìm quỹ đất để trồng cây ăn trái, bị cáo N đã giới thiệu cho ông K biết về dự án nêu trên của Công ty TNHH M1 và chào bán dự án cho ông K. Để ông K tin tưởng, bị cáo N đã đưa ra các thông tin gian dối về việc bị cáo N tuy không đứng tên là người đại diện của Công ty TNHH M1 nhưng lại là người điều hành, quyết định các hoạt động của Công ty TNHH M1, trong đó có cả việc chuyển nhượng dự án, bị cáo cam kết nếu ông K mua dự án, bị cáo sẽ giúp chuyển đổi 60% đất trồng rừng của dự án thành đất trồng cây ăn trái để nâng cao giá trị đất. Tin tưởng vào những thông tin gian dối của bị cáo N, ông K đồng ý mua lại dự án trên với giá chuyển nhượng là 17,5 tỷ đồng, đồng thời thỏa thuận thống nhất

thực hiện việc chuyển nhượng dự án bằng hình thức chuyển nhượng toàn bộ 100% vốn góp của các thành viên Công ty TNHH M1 cho các thành viên của Hợp tác xã M1 do ông K chỉ định và sẽ sử dụng tư cách pháp nhân của Công ty TNHH Đ1 (do bị cáo Lê Hoài N làm người đại diện) và tư cách pháp nhân của Hợp tác xã M1 (do ông Phạm Ngọc K là người đại diện) để ký kết hợp đồng về việc chuyển nhượng dự án.

Sau khi thỏa thuận xong với ông K, bị cáo N lấy danh nghĩa là người đại diện Công ty TNHH Đ1 ký kết “Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp” với Công ty TNHH M1 (do ông Lê Tiến D1 đại diện theo ủy quyền), đề ghi nhớ thỏa thuận về việc chuyển nhượng vốn góp, chuyển nhượng dự án nêu trên với giá 11,6 tỷ đồng. Sau đó, bị cáo tiếp tục lấy danh nghĩa là đại diện Công ty TNHH Đ1 ký “Hợp đồng tư vấn” với Hợp tác xã M1 (do ông Phạm Ngọc K làm đại diện) ghi nhận việc Công ty TNHH Đ1 nhận trách nhiệm thực hiện việc chuyển nhượng 100% vốn góp của Công ty TNHH M1 với chi phí là 17,5 tỷ đồng. Sau khi ký “Hợp đồng tư vấn” theo đề nghị của bị cáo N, ông K đã thanh toán số tiền 02 tỷ đồng cho bị cáo N bằng hình thức chuyển nhờ ông Phạm Ngọc Đ (sinh năm: 1969, địa chỉ: A số A, phường T, quận B, Tp Hồ Chí Minh) chuyển số tiền 02 tỷ đồng vào tài khoản cho bị cáo N. Sau khi nhận được tiền, bị cáo đã sử dụng 01 tỷ đồng vào việc chi tiêu cá nhân và sử dụng 01 tỷ đồng chuyển vào tài khoản cho bà Ngô Hoàng M (thành viên góp vốn của Công ty TNHH M1) theo nội dung hợp đồng chuyển nhượng vốn góp đã ký với ông Lê Tiến D1.

Sau đó, bị cáo N có dẫn ông K đi đo đạc hiện trạng, kiểm kê tài sản, diện tích đất người dân lấn chiếm tại dự án. Đến ngày 06/9/2022, do cần tiền để chi tiêu cá nhân, bị cáo N đã tự soạn thảo “Tờ trình” với nội dung Công ty TNHH M1 đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh L chuyển đổi 60% (trong tổng số 156ha) quỹ đất đang trồng rừng thành đất trồng cây ăn trái, bị cáo tự ký tên và nhờ ông Lê Tiến D1 đóng dấu (dấu của Công ty TNHH M1) phát hành. Sau đó, bị cáo chụp hình văn bản và gửi qua ứng dụng Zalo cho ông K biết, đồng thời nói dối ông về việc bị cáo sẽ thực hiện việc chuyển đổi 60% diện tích đất của dự án thành đất trồng cây nông nghiệp để lừa ông K cho ứng thêm số tiền 01 tỷ đồng. Tin tưởng vào việc bị cáo N có thể thực hiện được việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất, ông K đồng ý và chuyển thêm cho bị cáo N số tiền 01 tỷ đồng vào ngày 22/09/2022 (thông qua tài khoản của ông Phạm Ngọc Đ) để ông K thực hiện việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Nhận được số tiền này, bị cáo N đã sử dụng hết vào việc chi tiêu cá nhân.

Sau khi ký kết hợp đồng và nhận tiền của ông K, bị cáo không thực hiện bất cứ hoạt động gì để thực hiện việc chuyển nhượng vốn góp theo như thỏa thuận với ông K. Đến tháng 01/2023, bị cáo lấy lý do số tiền nợ thuế của Công ty TNHH M1 dự kiến sẽ nhiều hơn 5,1 tỷ đồng để đề nghị ông Lê Tiến D1 thanh lý Hợp đồng đã ký kết trước đó giữa Công ty TNHH Đ1 ký kết và Công ty TNHH M1 về việc chuyển nhượng vốn góp và được phía Công ty TNHH M1 đồng ý. Sau khi thanh lý hợp đồng, bà Ngô Hoàng M đã chuyển khoản hoàn trả lại cho bị cáo N số tiền 01 tỷ đồng nhưng bị cáo không hoàn trả cho ông K mà sử dụng hết vào mục đích cá nhân.

Sau đó, bị cáo N đưa ra nhiều lý do để đề nghị ông K thanh lý hợp đồng và được ông K đồng ý, bị cáo hứa hẹn sẽ hoàn trả số tiền đã nhận cho ông K nhưng không thực hiện. Vì vậy, ông K làm đơn tố cáo gửi đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh L đề nghị xử lý hình sự đối với bị cáo N về hành vi lừa đảo chiếm đoạt 03 tỷ đồng của ông K.

Làm việc với Cơ quan điều tra, Lê Hoài N khai nhận: Bản thân bị cáo không phải là thành viên góp vốn trong Công ty TNHH M1, không có quyền lợi gì trong Công ty TNHH M1, cũng không phải là người điều hành, quyết định việc chuyển nhượng dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh L cấp cho Công ty TNHH M1, bị cáo biết rõ diện tích đất Cơ quan Nhà nước cấp cho Công ty TNHH M1 để thực hiện dự án không đủ điều kiện để chuyển đổi thành đất trồng cây nông nghiệp nhưng vẫn đưa ra các thông tin gian dối để ông Phạm Ngọc K tin tưởng giao tổng số tiền 03 tỷ đồng cho bị cáo. Toàn bộ số tiền chiếm đoạt được của ông K đã được bị cáo sử dụng hết vào việc trả nợ và chi tiêu cá nhân.

Tại Cáo trạng số: 64/CT-VKS-P2 ngày 31/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã truy tố bị cáo Lê Hoài Nam về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm 41/2025/HS-ST ngày 16/7/2025 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 135/TB-HS ngày 27/8/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Hoài N phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 2 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Hoài N 15 (Mười lăm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 13/5/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lê Hoài N bồi thường cho ông K số tiền 2.000.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/7/2025, bị cáo Lê Hoài N kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

1. Phần xét hỏi:

Bị cáo Lê Hoài N thay đổi yêu cầu kháng cáo từ kêu oan sang xin giảm hình phạt và trình bày: Bị cáo thừa nhận hành vi theo nội dung bản án sơ thẩm đã nêu, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm gia đình bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại và bị hại có đơn xin giảm hình phạt cho bị cáo. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

2. Phần tranh luận

2.1. Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thay đổi kháng cáo từ kêu oan thành xin giảm hình phạt. bị cáo thành khẩn nhận tội, người bị hại có cung cấp văn bản xác nhận đã nhận đủ số tiền do gia đình bị cáo

khắc phục cho bị hại và xin giảm hình phạt cho bị cáo. Đây là 2 tình tiết giảm nhẹ mới tại cấp phúc thẩm, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giảm cho bị cáo 1-2 năm tù.

2.2. Phần tranh tụng của bị cáo Lê Hoài N và người bào chữa cho bị cáo Lê Hoài N: Đối với số tiền 1.000.000.000 đồng thì bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, nhưng với số tiền 2.000.000.000 đồng là hợp đồng kinh tế giữa bị cáo và bị hại. Do đó, bản án sơ thẩm xác định bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội 02 lần là bất lợi cho bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ mới là gia đình bị cáo đã trả toàn bộ số tiền cho gia đình bị hại và được bị hại có đơn xin giảm hình phạt, bị cáo thành khẩn khai báo thừa nhận hành vi phạm tội. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52; áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

3. Phần bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đã lớn tuổi, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra, kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị cáo Lê Hoài N thực hiện việc kháng cáo theo đúng quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định:

Do không có tiền trả nợ và chi tiêu cá nhân, bị cáo Lê Hoài N đã dùng các thủ đoạn gian dối tự nhận mình là người quản lý, điều hành Công ty TNHH M1, có quyền quyết định việc chuyển nhượng dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh L cấp cho Công ty TNHH M1, đồng thời bị cáo đưa ra các thông tin gian dối về việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Phạm Ngọc K. Từ những thông tin gian dối này làm cho ông K tin tưởng rằng Lê Hoài N có trách nhiệm và thẩm quyền quyết định việc chuyển nhượng dự án, thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất, nên đã nhiều lần đưa cho N số tiền tổng cộng 3.000.000.000 đồng để nhận chuyển nhượng dự án.

[2.2] Bị cáo Lê Hoài N là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc cung cấp thông tin gian dối về người có quyền chuyển nhượng dự án, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, để chiếm đoạt của ông Phạm Ngọc K khoản tiền thanh toán nhận chuyển nhượng dự án là vi phạm pháp luật, xâm phạm quyền sở hữu của người khác nhưng vẫn cố tình thực hiện.

Hành vi của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, trực

tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại được pháp luật bảo vệ.

[2.3] Với hành vi nêu tại mục [2.1] và nhận định tại mục [2.2], Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lê Hoài N phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Nhận định trên đây cũng là cơ sở để Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo N.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Hoài N:

Tòa án cấp sơ thẩm khi lượng hình đã xem xét mức độ thực hiện hành vi phạm tội, xem xét nhân thân của bị cáo; bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "*Phạm tội 02 lần trở lên*" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường số tiền 1.000.000.000 đồng cho bị hại, bị cáo có cha là người có công với Cách mạng, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; từ đó mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi do bị cáo N thực hiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Hoài N thừa nhận hành vi phạm tội, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cung cấp tài liệu, chứng cứ là văn bản xác nhận ngày 30/9/2025 của ông Phạm Ngọc K được chứng thực tại Văn phòng C, tỉnh Lâm Đồng có nội dung: Ông K xác nhận đã nhận đầy đủ số tiền 3.000.000.000 đồng từ bà Lê Thị Quý L1 (con của bị cáo N); Số tiền này bà Lê Thị Quý L1 khắc phục hậu quả cho bị cáo Lê Hoài N theo bản án số 41/2025/HS-ST của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng ngày 16/7/2025; Đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo ngày 30/9/2025 của ông K.

Xét thấy, các tài liệu, chứng cứ nêu trên thể hiện bị cáo N đã bồi thường toàn bộ trách nhiệm dân sự cho bị hại. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Người bị hại cũng có đơn xin giảm hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Hoài N.

[4] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh về việc chấp nhận kháng cáo của bị cáo; Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2025/HS-ST ngày 16/7/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng về phần hình phạt đối với bị cáo.

[5] Số tiền mà gia đình bị cáo đã bồi thường cho bị hại Phạm Ngọc K tại giai đoạn xét xử phúc thẩm sẽ được khấu trừ vào trách nhiệm dân sự của bị cáo Lê Hoài N tại giai đoạn thi hành án.

[6] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Án phí hình sự phúc thẩm:

Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Lê Hoài N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Lê Hoài N; Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2025/HS-ST ngày 16/7/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

1. Tuyên bố bị cáo Lê Hoài N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 2 Điều 52; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Hoài N 11 (Mười một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 13/5/2024. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lê Hoài N bồi thường cho ông K số tiền 2.000.000.000 đồng. Số tiền ông Phạm Ngọc K đã nhận theo nội dung Văn bản xác nhận ngày 30/9/2025, được chứng thực tại Văn phòng C, tỉnh Lâm Đồng sẽ được khấu trừ vào trách nhiệm dân sự của bị cáo Lê Hoài N tại giai đoạn thi hành án.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Hoài N không phải chịu.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và KSXXPT tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Công an tỉnh Lâm Đồng;
- TTG số 1- CA tỉnh Lâm Đồng;
- (Tổng đạt cho bị cáo (1)
- BH (1);
- NLQ (2);
- Lưu (10) 22b (Án TTKY).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Đức Toàn

